

KẾT QUẢ
KIỂM TRA XÁC NHẬN NĂNG LỰC TIẾNG NHẬT BẬC 4 (TƯƠNG ĐƯƠNG JLPT N3)
(Đợt 02 năm 2026, 31/01/2026)
(Ban hành theo Quyết định số 1009/MYH26/VHU/QĐ ngày 02 tháng 03 năm 2026)

STT	Số báo danh	MSSV	Họ	Tên	Ngày sinh	Nơi sinh	Điểm				Kết quả	Ghi chú
							Từ vựng	Nghe hiểu	Độc hiểu	Tổng		
1	VHU.TNB4.02.001	191A160051	Đỗ Nguyễn Quỳnh	Anh	14/04/2001	Đồng Nai	16.0	21.0	16.0	53.0	Rớt	
2	VHU.TNB4.02.002	181A160177	Lê Thị Nguyệt	Ánh	04/06/2000	Thành phố Hồ Chí Minh	36.0	32.0	41.0	109.0	Đậu	
3	VHU.TNB4.02.003	171A160067	Lê Xuân	Giang	35829	Thành phố Hồ Chí Minh	42.0	16.0	21.0	79.0	Rớt	
4	VHU.TNB4.02.004	171A160079	Dương Thu	Hà	36011	Thành phố Huế	10.0	16.0	17.0	43.0	Rớt	
5	VHU.TNB4.02.005	181A160013	Thái Thu	Hương	27/11/2000	Cần Thơ	36.0	29.0	14.0	79.0	Rớt	Bảo lưu: Từ vựng: 36
6	VHU.TNB4.02.006	171A160006	Trần Diệu	Hy	36503	Thành phố Hồ Chí Minh	33.0	14.0	14.0	61.0	Rớt	
7	VHU.TNB4.02.007	191A150097	Trần Khánh	Luân	20/11/2001	Lâm Đồng	23.0	26.0	24.0	73.0	Rớt	
8	VHU.TNB4.02.008	181A160040	Nguyễn Thị Mỹ	Ngân	02/06/2000	Vĩnh Long	52.0	33.0	18.0	103.0	Rớt	Bảo lưu: Từ vựng: 52; Đọc: 33
9	VHU.TNB4.02.009	201A160108	Trần Thị Tuyết	Ngân	31/12/2002	Vĩnh Long	Vắng	Vắng	Vắng	0.0	Rớt	Vắng
10	VHU.TNB4.02.010	201A030384	Hoàng Thị	Nhàn	02/05/2002	Gia Lai	14.0	8.0	14.0	36.0	Rớt	
11	VHU.TNB4.02.011	181A160101	Nguyễn Thị Hồng	Nhung	14/11/2000	Gia Lai	24.0	19.0	10.0	53.0	Rớt	
12	VHU.TNB4.02.012	151A150835	Nguyễn Lữ Lệ	Thắm	03/02/1997	Thành phố Hồ Chí Minh	32.0	33.0	23.0	88.0	Rớt	Bảo lưu: Từ vựng: 32; Đọc: 33
13	VHU.TNB4.02.013	151A150816	Nguyễn Thị Phương	Thảo	09/08/1996	Thành phố Hồ Chí Minh	19.0	7.0	39.0	65.0	Rớt	Bảo lưu: Nghe: 39

STT	Số báo danh	MSSV	Họ	Tên	Ngày sinh	Nơi sinh	Điểm				Kết quả	Ghi chú
							Từ vựng	Nghe hiểu	Độc hiểu	Tổng		
14	VHU.TNB4.02.014	211A160118	Luu Anh	Thư	29/09/2003	Thành phố Hồ Chí Minh	25.0	30.0	19.0	74.0	Rớt	
15	VHU.TNB4.02.015	191A160092	Nguyễn Thị Diễm	Thùy	07/04/2001	Khánh Hoà	28.0	15.0	19.0	62.0	Rớt	
16	VHU.TNB4.02.016	191A160108	Đỗ Bảo	Trăm	09/05/2001	An Giang	15.0	30.0	21.0	66.0	Rớt	
17	VHU.TNB4.02.017	181A150272	Lâm Thị Tuyết	Trang	03/02/2000	Thành phố Hồ Chí Minh	36.0	30.0	21.0	87.0	Rớt	Bảo lưu: Từ vựng: 36; Đọc: 30
18	VHU.TNB4.02.018	191A150065	Trần Hoàng Mộng	Vân	08/04/1999	Thành phố Hồ Chí Minh	30.0	33.0	14.0	77.0	Rớt	Bảo lưu: Từ vựng: 30
19	VHU.TNB4.02.019	171A150075	Võ Ngọc	Vân	19/07/1998	Thành phố Hồ Chí Minh	22.0	15.0	18.0	55.0	Rớt	
20	VHU.TNB4.02.020	211A160147	Trần Thụy Ngọc	Vi	11/05/2003	Thành phố Hồ Chí Minh	20.0	16.0	23.0	59.0	Rớt	

Tổng số thí sinh theo danh sách: 20

Số thí sinh dự kiểm tra: 19

Số thí sinh vắng kiểm tra: 01

Số thí sinh đậu: 01

Số thí sinh rớt: 18

Hiệu trưởng

(đã ký)

PGS. TS. Nguyễn Minh Đức